

Bản án số: 96/2020/HS-ST
Ngày 29 - 7- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hoàng Thu

2/ Bà Lê Thị Hoàng Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Lâm Thị Hoàng A** (giới tính: Nữ), sinh năm 1959, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường S, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú hiện nay: Ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn) 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T và bà Trương Kim L; bị cáo có chồng đã ly hôn và có con sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/4/2019 (có mặt)

2/ Họ và tên: **Huỳnh Châu T** (giới tính: Nam), sinh năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An; nơi cư trú hiện nay: Ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T và bà Hồ Thị G; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2019 đến ngày 15/8/2019. Từ ngày 15/8/2019 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt)

3/ Họ và tên: **Nguyễn Kim H** (giới tính: Nữ), sinh năm 1979, tại Thành phố Hồ

Chí Minh; Nơi thường trú: Ấp 3, xã P, huyện B, TP. Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp 3, xã P, huyện B, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn) 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị K; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/4/2019 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Đào Thị Ngọc H, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tham gia phiên tòa ngày 22/7/2020, nhưng vắng mặt ngày tuyên án)

3/ Ông Lê Mộng T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tham gia phiên tòa ngày 22/7/2020, nhưng vắng mặt ngày tuyên án)

4/ Bà Hồ Thị G, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

5/ Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

6/ Ông Phạm Hoàng P, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

7/ Bà Lê Thị Bé N, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp 2/5 xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt tham gia phiên tòa ngày 22/7/2020, nhưng vắng mặt ngày tuyên án)

Tuyên án ngày 29/7/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lâm Thị Hoàng A hành nghề kinh doanh quán cà phê, nước giải khát tại nơi ở (Ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) thì có một số khách đề nghị được đánh bài thắng, thua bằng tiền tại đây. Bị cáo Hoàng A đồng ý dùng nơi ở của mình để chứa đánh bạc trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 23 giờ hằng ngày và còn cung cấp 01 bộ bài Tây loại 52 lá và 01 tấm bìa carton cho những người đánh bạc sử dụng. Hình thức đánh bạc là chơi bài Binh 06 lá kiểu Ấn Độ, mỗi người tham gia chơi được chia 6 lá bài, xếp thành 02 chi, mỗi chi 3 lá để tính điểm ăn thua với nhà cái, nếu thắng cả hai chi thì thắng nhà cái và ngược lại. Số tiền đặt cược tùy theo mỗi người chơi và do nhà cái quy định. Nếu ai thắng thì trả tiền xâu cho bị cáo Hoàng A từ 30.000 đồng đến 100.000 đồng. Bị cáo Hoàng A bắt đầu chứa đánh bạc tại nơi ở từ ngày 05/02/2019 đến ngày 18/02/2019 thì bị bắt quả tang.

Như thường lệ, trưa ngày 18/02/2019, Huỳnh Châu T, Nguyễn Kim H, một người phụ nữ (không rõ lai lịch) và một số người khác đến nhà bị cáo Hoàng A để đánh bạc. Bị cáo Hoàng A lấy 01 bộ bài Tây 52 lá và tấm bìa carton đưa cho họ sử dụng để đánh bạc. Ban đầu, người phụ nữ không rõ lai lịch làm nhà cái nhưng bị thua hết tiền nên nghỉ. Sau đó, bị cáo T tiếp tục làm nhà cái. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi bị cáo T đang

làm nhà cái, đánh bài được thua bằng tiền với Phạm Hồ K, Trần Trung H2, Trần Ngọc A, Võ Thị D, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Kim H thì bị Công an phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra, Phạm Hồ K, Trần Trung H2, Trần Ngọc A, Võ Thị D, Nguyễn Thị T1 bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Bình Chánh đã ra quyết định truy nã, đến nay chưa có kết quả.

Hành vi của bị cáo Hoàng A: Bị cáo Hoàng A không tham gia đánh bạc ngày 18/02/2019 nhưng đã có hành vi sử dụng nơi ở của mình để chứa đánh bạc, cung cấp bài và tấm bìa carton để những người đánh bạc dùng vào việc đánh bạc nhằm mục đích nhận tiền xâu. Trong ngày 18/02/2019 bị cáo Hoàng A đã nhận được 310.000 đồng tiền xâu (gồm 160.000 đồng do người phụ nữ không rõ lai lịch đưa và 150.000 đồng do bị cáo T đưa).

Hành vi của bị cáo T: Ngày 18/02/2019 bị cáo T đến nhà bị cáo Hoàng A để uống cà phê và chờ chuẩn bị tổ chức cho gia đình và một số người khác đi viếng chùa Bà ở Tây Ninh. Tại đây, bị cáo T gặp anh rể là ông Lê Mộng T1 và thấy bên trong nhà có chứa đánh bạc nên hỏi vay ông T1 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để tham gia đánh bạc. Ông T1 đồng ý và lấy 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho bị cáo T vay dùng để đánh bạc. Khi bị thua hết số tiền vay, bị cáo T nhờ ông T1 về nhà gặp bà Hồ Thị G (mẹ của T) lấy tiền do người tham gia đi viếng chùa đã ứng trước mang đến chỗ bị cáo T đang đánh bạc để bị cáo thanh toán trước một số chi phí đi viếng chùa. Ông T1 đồng ý nên về nhà gặp bà G và được bà G đưa cho 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để chuyển cho bị cáo T dùng thanh toán chi phí đi viếng chùa. Tại chiếu bạc, khi được ông T1 đưa cho số tiền này, bị cáo T đã lấy ra 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để làm nhà cái và bị thua hết. Bị cáo T lấy thêm 5.500.000 đồng trong số tiền còn lại để tiếp tục làm nhà cái thì bị Công an phát hiện quả tang khi mới vừa chia bài được 02 tụ. Công an thu giữ của bị cáo T số tiền 15.895.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó, xác định được bị cáo T sử dụng 5.500.000 đồng (năm triệu, năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc.

Quá trình làm nhà cái, bị cáo T đã đưa tiền xâu cho bị cáo Hoàng A hai lần với số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo H: Ngày 18/02/2019 bị cáo H đến nhà của bị cáo Hoàng A để hẹn gặp trả nợ cho ông H3 (chưa rõ lai lịch) 2.000.000 đồng. Bị cáo H có đem theo 2.200.000 đồng (hai triệu, hai trăm nghìn đồng) nên lấy ra 200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bị cáo H đặt tụ với nhà cái T và thắng được 200.000 đồng nhưng chưa được chung tiền. Khi bị Công an bắt quả tang, bị cáo H đang đặt tụ 200.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 2.200.000 đồng, trong đó, số tiền dùng để đánh bạc là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Hành vi của ông Phạm Hồ K: Ngày 18/02/2019 ông K đem theo 1.500.000 đồng đến nhà của bị cáo Hoàng A để tham gia đánh bạc và thắng được 1.000.000 đồng. Khi bị Công an bắt quả tang, ông K đang đặt tụ 100.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 2.500.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

Hành vi của ông Trần Trung H2: Ngày 18/02/2019 ông H2 đem theo 2.110.000 đồng đến nhà của bị cáo Hoàng A và dùng 2.000.000 để tham gia đánh bạc và thắng

được 2.450.000 đồng. Khi bị Công an bắt quả tang, ông H2 đang đặt tụ 200.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 4.560.000 đồng, trong đó có 4.450.000 đồng dùng để đánh bạc.

Hành vi của bà Trần Ngọc A: Ngày 18/02/2019 bà Ngọc A đem theo 5.000.000 đồng đến nhà của bị cáo Hoàng A để tham gia đánh bạc và thắng được 200.000 đồng. Khi bị Công an bắt quả tang, bà Ngọc A đang đặt tụ 100.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 5.200.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

Hành vi của bà Nguyễn Thị T1: Ngày 18/02/2019 bà T đem theo 700.000 đồng đến nhà của bị cáo Hoàng A để tham gia đánh bạc và bị thua 200.000 đồng. Khi bị Công an bắt quả tang, bà T đang đặt tụ 100.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 500.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

Hành vi của bà Võ Thị D: Ngày 18/02/2019 bà D đem theo 1.110.000 đồng đến nhà của bị cáo Hoàng A và dùng 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bà D bị thua 150.000 đồng. Khi bị Công an bắt quả tang, bà D đang đặt tụ 100.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 960.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc, trong đó có 850.000 đồng dùng để đánh bạc.

Tổng số tiền các bị cáo T, H và những người cùng chơi bài khác đã sử dụng để đánh bạc ngày 18/02/2019 tại nơi ở của bị cáo Hoàng A là 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài số tiền thu xâu 310.000 đồng (ba trăm mười nghìn đồng) trong ngày 18/02/2019 thì bị cáo Hoàng A còn thu lợi được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) từ hành vi chứa đánh bạc của những ngày trước đó.

Cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 19/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Hoàng A, T, H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 và điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Hoàng A từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Bị cáo T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi đánh bạc phù hợp với nội dung đã được tóm tắt nêu trên và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không tự bào chữa, không tranh luận và lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, các đương sự khác có mặt,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Châu T, Lâm Thị Hoàng A, Nguyễn Kim H đều khai nhận:

Bắt đầu từ ngày 05/02/2019 bị cáo Hoàng A cung cấp bài, bìa carton và dùng nơi ở của mình tại địa chỉ Ấp 3, xã P, huyện B để chứa đánh bạc nhằm mục đích thu tiền xâu. Ngày 18/02/2019, Công an bắt quả tang bị cáo Hoàng A đang dùng nơi ở của mình tại địa chỉ trên để cho các bị cáo T, H và Nguyễn Thị T1, Võ Thị D, Phạm Hồ K, Trần Ngọc A và Trần Trung H2 đánh bài Ấn Độ được thua bằng tiền. Công an thu giữ số tiền dùng để đánh bạc trên chiếu bạc này là 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) và số tiền bị cáo Hoàng A đã thu xâu trong ngày 18/02/2019 là 310.000 đồng.

[3] Lời khai nhận nhận của các bị cáo Hoàng A, T và H tại phiên tòa, trong quá trình điều tra và lời khai của những người chơi đánh bạc khác trong hồ sơ, lời khai của người làm chứng phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo T và H đã thực hiện hành vi đánh bài Ấn Độ được thua bằng tiền, số tiền dùng để đánh bạc thu giữ tại chiếu bạc là 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) nên đã phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo Hoàng A về việc dùng nơi ở để chứa đánh bạc, cung cấp công cụ, phương tiện đánh bạc cho người đánh bạc nhằm mục đích thu tiền xâu tuy chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng cũng cần phải xử lý bị cáo Hoàng A với vai trò là đồng phạm với các bị cáo T và H về tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Trong vụ án này, bị cáo Hoàng A là người chứa đánh bạc tại nhà của mình, bị cáo T là người cầm cái, bị cáo H là người đặt tụ tham gia đánh bạc với những người khác.

Hành vi này của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Các bị

cáo nhận thức được việc đánh bạc bằng hình thức ăn thua bằng tiền khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo để đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt. Riêng bị cáo T có cha ruột tham gia chiến trường C21E250 F309 MT479 nên còn được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi lượng hình.

Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho tương xứng vai trò, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo để sung quỹ nhà nước. Riêng bị cáo Nguyễn Kim H do có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với bị cáo Hoàng A đã thu tiền xâu được 3.000.000 đồng từ hành vi chứa đánh bạc trước ngày bị bắt nên buộc bị cáo Hoàng A phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính này để sung quỹ nhà nước.

[8] Đối với ông Lê Mộng T1: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông T1 và bị cáo T cùng khai nhận về việc ông T1 có cho bị cáo T mượn 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để đánh bạc. Do đó, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính đối với ông T1 về hành vi này.

[9] Đối với Nguyễn Thị T1, Võ Thị D, Phạm Hồ K, Trần Ngọc A và Trần Trung H2 sau khi có quyết định khởi tố bị can đã bỏ trốn trong quá trình điều tra. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Đối với ông Phạm Hoàng P và ông Phạm Văn H1: Hội đồng xét xử nhận thấy P và H1 có mặt khu vực chiếu bạc bài nhưng không tham gia đánh bạc nên không bị xử lý.

[11] Về xử lý vật chứng vụ án:

[11.1] 1 Bộ bài tây 52 lá và 01 tấm bìa giấy carton: Các vật chứng này không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[11.2] Số tiền 13.700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc: Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo sử dụng số tiền này để đánh bạc trái pháp luật nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[11.3] Số tiền 15.895.000 đồng thu giữ của bị cáo T, bao gồm:

- Số tiền 15.500.000 đồng, trong đó bị cáo T sử dụng 5.500.000 để đánh bạc. Tuy nhiên, do đây không phải tiền của bị cáo mà là khoản tiền của bà Hồ Thị G đưa cho ông T1 chuyển lại cho bị cáo T thanh toán tiền chi phí đi viếng chùa, trong đó có 6.000.000 đồng của bà Lê Thị Bé N. Vì vậy, xét trả lại cho bà G 9.500.000 đồng và trả lại cho bà Bé N số tiền 6.000.000 đồng.

- Số tiền còn lại 395.000 đồng loại có mệnh giá 5.000 đồng: Số tiền này bị cáo T dùng để lì xì, không sử dụng để đánh bạc nên trả lại cho T.

[11.4] 1 Điện thoại di động hiệu Samsung A7 màu xanh thu giữ từ T: Đây là tài sản của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho T.

[11.5] 01 (một) chiếc xe mô tô Biển số 54N8-2263 do bà Đào Thị Ngọc H làm chủ sở hữu. Bà H đã bán xe này cho ông Nguyễn Công H nhưng chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu. Bà H và ông H đề nghị trả lại cho ông H. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H cho bị cáo T mượn xe nhưng không biết bị cáo sử dụng đi đánh bạc nên chấp nhận trả lại xe cho ông H.

[11.6] Số tiền 310.000 đồng (ba trăm mười ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Hoàng A: Số tiền này bị cáo Hoàng A có được từ tiền xấu chứa đánh bạc trong ngày 18/02/2019. Đây là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[11.7] 01 Điện thoại Samsung J5 màu vàng đồng: Đây là tài sản của bị cáo Hoàng A và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[11.8] 01 điện thoại di động hiệu Samsung J6 và số tiền 2.000.000 đồng thu giữ từ H: Đây là tài sản của bị cáo H, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[11.9] Đối với các vật chứng còn lại, gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7 màu vàng đồng thu giữ của K;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung GTS5360 màu trắng thu giữ của T1;
- Số tiền 110.000 đồng thu giữ của H2;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200 màu đen thu giữ của D;
- Số tiền 110.000 đồng thu giữ của D.

Hội đồng xét xử nhận thấy các tài sản nêu trên thu giữ của các bị can K, D, H2, T1 và những người này hiện đang bị truy nã nên giao lại cho Công an huyện Bình Chánh để xử lý khi có kết quả truy nã.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

1.1. Xử phạt bị cáo Lâm Thị Hoàng A 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Thị Hoàng A số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim H 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành tù tính từ ngày chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Huỳnh Châu T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành tù tính từ ngày chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2019 đến ngày 15/8/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Châu T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Buộc bị cáo Lâm Thị Hoàng A nộp lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong (01 Bộ bài tây 52 lá);
- 01 thùng niêm phong (01 tấm bìa giấy carton).

3.3. Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước:

- Số tiền 13.700.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc;
- Số tiền 310.000 đồng thu giữ trên người Lâm Thị Hoàng A;

3.4. Trả lại cho bị cáo Huỳnh Châu T:

- Số tiền 395.000 đồng (ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) thu giữ trên người T.
- 1 Điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A7;

3.5. Trả lại cho ông Nguyễn Công H: 1 xe mô tô Biển số 54N8-2263.

3.6. Trả lại cho bị cáo Lâm Thị Hoàng A: 01 Điện thoại Samsung J5 màu vàng đồng.

3.7. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Kim H:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6;
- Số tiền 2.000.000 đồng.

3.8. Trả lại cho bà Hồ Thị G: Số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng)

3.9. Trả lại cho bà Lê Thị Bé N: Số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

3.10. Giao lại các tài sản sau cho Công an huyện Bình Chánh để chờ xử lý theo quy định:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7 màu vàng đồng thu giữ của K;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung GTS5360 màu trắng thu giữ của T1;
- Số tiền 110.000 đồng thu giữ của H2;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200 màu đen thu giữ của D;
- Số tiền 110.000 đồng thu giữ của D.

Các vật chứng nêu trên hiện nay đang giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/9/2019 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh và Giấy nộp tiền ngày 18/7/2019.

4. Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (29/7/2020), các bị cáo, bà Hồ Thị G được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, buổi tuyên án thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo; Đương sự;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- UBND xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP.HCM;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Long An;
- UBND Phường A, Quận B, TP.HCM;
- Lưu: Vp; Hồ sơ vụ án (Tp. Đạt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Quốc Đạt